

Số: 110/KH-CTY

An Giang, ngày 20.. tháng 3 năm 2018

KẾ HOẠCH
Sản xuất Kinh doanh và Đầu tư phát triển năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ công văn số 2296/UBND-KTTH ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc Kế hoạch tài chính năm 2018 của công ty nhà nước trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-CTY ngày 22/01/2018 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phà An Giang về việc quyết định Kế hoạch tài chính năm 2018,

Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Biểu số 1

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So sánh TH/KH
1	Sản lượng (chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích)	SP*	39.108.400	39.677.860	101,5%
a	Hành khách, xe các loại	lượt	37.515.000	37.747.220	100,6%
b	Hàng hóa	tấn	755.100	823.630	109,1%
c	Xăng, dầu	lít	838.300	1.107.010	132,1%
2	Doanh thu	triệu đồng	173.000	187.530	108,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	2.030	2.354	116,0%
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	11.763	5.700	48,5%

Ghi chú:

- Sản lượng đã được quy đổi.

- SP*: Sản phẩm bao gồm (hành khách, xe các loại, hàng hóa, xăng dầu, nhớt)
- Nộp ngân sách năm 2017 đạt 48,5% so với kế hoạch là do khi lập kế hoạch tài chính năm 2017, chỉ tiêu nộp ngân sách chưa tính thuế giá trị gia tăng đầu vào của Dự án Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 944. Trong quá trình thực hiện dự án Công ty được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào là 8.039 triệu đồng, nếu không khấu trừ khoản thuế đã nêu thì tổng nộp ngân sách thực hiện trong năm 2017 sẽ đạt 101,4% so với kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

1.1 Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

- Theo nội dung tại Biểu số 02 của Kế hoạch này.

1.2 Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm:

- Theo nội dung tại Biểu số 02 của Kế hoạch này.

1.3 Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Thực hiện các dự án, các công trình trọng điểm:

- Đầu tư xây dựng đường dẫn vào bến phà Mương Ranh và Bến Mương Ranh (bờ Châu Thành);
- Đầu tư xây dựng bến phà Tân Châu - Hồng Ngự (phía bờ thị xã Tân Châu);
- Đầu tư nâng cấp bến phà Thuận Giang, bến phà Trà Ôn,;
- Đóng mới ponton 300 tấn, hoán cải ponton 275 tấn, mua hệ thống cầu dẫn, ponton 500 tấn của bến phà Hàm Luông (tỉnh Bến Tre);
- Lên đà sửa chữa 01 phà 200 tấn; 02 phà 150 tấn và 02 phà 100 tấn;
- Thay 02 máy Caterpillar cho phà 200 tấn;
- Thực hiện tốt nhiệm vụ Chủ đầu tư, sớm đưa dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 944 (huyện Chợ Mới) vào sử dụng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính:

- Có chiến lược đầu tư kinh doanh phù hợp gắn với từng giai đoạn ngắn hạn hay trung hạn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

2. Giải pháp về sản xuất:

- Đầu tư nâng cấp hệ thống nhà xưởng, thiết bị của Xí nghiệp Cơ khí Giao thông để đóng mới và sửa chữa các phương tiện và hệ thống ponton, cầu dẫn trong toàn công ty.

3. Giải pháp về marketing:

- Nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, đảm bảo công tác vận tải an toàn, nhanh chóng, phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa; thực hiện tốt việc ngăn chặn hàng rong, vé số buôn bán, ăn xin trong khu vực bến và trên phà. Chú trọng xây dựng thương hiệu, hình ảnh của Công ty.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý trước hết là trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp trong ngành dịch vụ, phẩm chất đạo đức và năng lực nhận thức về đổi mới kinh tế và phát triển doanh nghiệp. Xây dựng các cơ chế lương, thưởng nhằm tạo động lực cho lực lượng lao động hiện hữu phát huy trình độ và năng lực bản thân.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

- Đầu tư nâng cấp các bến phà hiện hữu; đóng mới, nâng cấp phương tiện để đảm bảo năng lực phục vụ ứng với tốc độ tăng trưởng sản lượng hành khách qua phà hiện tại và dự báo tăng trưởng cho những năm tiếp theo, nhằm đảm bảo hoạt động Công ty được ổn định, hiệu quả... Tiếp tục thực hiện các công trình sửa chữa, hoán cải, nâng cấp bến bãi, phương tiện nhằm đảm bảo đủ năng lực vận tải cho từng bến phà.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành:

- Đổi mới quản trị doanh nghiệp để nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh. Xây dựng hệ thống chức năng – nhiệm vụ từng phòng ban, đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã chọn, quy chế phân cấp theo hướng gắn trách nhiệm với quyền hạn.

- Áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển. Hiện đại hóa trong công tác bán soát vé.

- Đổi mới tư duy, nâng cao vai trò trách nhiệm quản lý điều hành ở từng đơn vị trực thuộc, chú trọng thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

- Tổ chức, cơ cấu lại giá vé trong toàn công ty theo hướng sáp nhập và đơn giản hóa các chủng loại vé để thuận tiện thao tác trong bán, soát vé và quản lý sản lượng – doanh thu được chặt chẽ.

7. Giải pháp khác:

- Thực hiện tốt công tác cổ phần hóa đúng theo lộ trình của Chủ sở hữu đề ra. Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với quy mô, ngành nghề hoạt động của công ty trong giai đoạn tới; Phương án sắp xếp lao động của các đơn vị khi các dự án cầu hoàn thành.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức học tập quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước. Nâng cao nhận thức, ý thức của người lao động trong việc chấp hành nội quy lao động, các quy định, quy trình của Công ty. Giữ gìn kỷ luật, kỷ cương và hiệu lực quản lý điều hành. Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp về tiết kiệm, chống tiêu cực, lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phát động toàn thể cán bộ - công nhân viên lao động thi đua sản xuất, lao động sáng tạo, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Nâng cao chất lượng công tác thi đua và khen thưởng, đảm bảo khen thưởng đúng người, đúng việc, chú trọng lực lượng công nhân lao động trực tiếp.

Biểu số 2**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
1	Sản lượng	SP*	39.982.600
a	Hành khách, xe các loại	lượt	38.186.000
b	Hàng hóa	tấn	794.200
c	Xăng, dầu	lít	1.002.400
2	Doanh thu	triệu đồng	183.300
3	Lợi nhuận (trước thuế)	triệu đồng	2.500
4	Tổng nộp ngân sách	triệu đồng	5.900

Ghi chú:

- Sản lượng đã được quy đổi.
- SP*: Sản phẩm bao gồm (hành khách, xe các loại, hàng hóa, xăng dầu, nhớt)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KH

CHỦ TỊCH*Phạm Châu Hà*